TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 02 - 2023
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
2. Ông Đặng Minh Lý.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 456/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà P T K C, sinh năm 1990; địa chỉ: Số …, Đường ĐX …, Tổ …, Khu phố …, phường P M, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, *có mặt.*

2. Bị đơn: Ông Đinh Mạnh Tuấn, sinh năm 1987; địa chỉ: Số …, Đường ĐX …, Tổ …, Khu phố …, phường P M, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và ông T quan quen biết từ năm 2008, thương yêu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân và đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban xã H P,

huyện N T, tỉnh Đồng Nai năm 2014. Hôn nhân giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do áp lực kinh tế và công việc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông Tuấn không quan tâm đến gia đình vợ con. Dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn.

Sau khi nộp đơn khởi vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, kéo dài và không còn tình cảm với nhau. Tôi đề nghị tòa án giải quyết ly hôn.

- *Về con chung*: Chúng tôi có 02 (hai) con chung Đ P T T, sinh ngày 15/10/2015 và Đ Ph T A, sinh ngày 08/4/2017. Sau khi ly hôn tôi đồng ý ông T nuôi 02 con chung. Việc tôi đồng ý để ông T nuôi các con chung vì không muốn các cháu phải xa cách nhau, cũng như thuận lợi cho việc học chăm sóc, học hành của các cháu. Trường hợp ông T không đồng ý thì tôi sẽ đồng ý nuôi các con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn tại Bản tự khai và tại phiên tòa giải trình bày:* Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung và đăng ký kết hôn.

- *Về mâu thuẫn vợ chồng:* Mâu thuẫn nguyên nhân do tôi lo công việc nhiều nên có nhiều lúc không quan tâm đến vợ. Thời gian gần đây vợ chồng sống chung một nhà nhưng vợ không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tôi đã có gắng sửa đổi, quan tâm và giành nhiều thời gian cho vợ con hơn. Tuy nhiên vợ tôi vẫn không chấp nhận và kiên quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết ly hôn tôi cũng cố gắng hòa giải, hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng vợ tôi vẫn không thay quyết định ly hôn. Bản thân tôi xác định còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Thống nhất vợ chồng có 02 (hai) con chung như nguyên đơn trình bày. Trường hợp tòa án giải quyết cho ly hôn tôi đồng ý nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án:*

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con. Thời điểm khởi kiện bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về việc quen biết, thương yêu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2015. Quyển số 01, ngày 24/9/2015. Hôn nhân giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng. Mặc dù các bên, cũng như gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn xác định vẫn con tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án cho các bên thời gian để tự hòa giải. Tại phiên tòa bị đơn xác định vợ chồng vẫn chưa hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn. Sau nộp đơn khởi kiện vợ chồng cũng ly thân đến nay.

Như vậy có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng các bên không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Các bên thống nhất về con chung và thống nhất việc giao các con chung cho bị đơn chăm sóc nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa các bên là tự nguyện. Phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng và đảm bảo quyền và lợi ích của con chưa thanh niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng các bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên: Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P T K C và bị đơn ông Đ M T về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P T K C được ly hôn với ông Đ M T.

- Về con chung: Giao ông Đ M T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung Đ P T T, sinh ngày 15/10/2015 và Đ P T A, sinh ngày 08/4/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các bên đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà P T K C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002103 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ

sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một;
- Uỷ ban nhân dân phường P H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quý